

Số 01-2018 (13)

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN TỈNH LÂM ĐỒNG



- ✿ Động lực mới từ Luật Du lịch 2017
- ✿ Đẩy mạnh thanh tra lĩnh vực xăng dầu
- ✿ Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thôn qua Dự án nâng cao năng suất, chất lượng
- ✿ Trung tâm Hỗ trợ Khởi nghiệp - Trường Đại học Đà Lạt thúc đẩy sáng tạo, ươm mầm khởi nghiệp



KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 01-2018

TRONG SỐ NÀY

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN

Địa chỉ: Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3545479 - 0263.3833163 - Email: trungtamthongtin@lamdongost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ngô Đình Văn Châu

Biên tập

Đỗ Minh Ngọc

Ngô Huy Đông

Nguyễn Thanh Nhân

Phạm Thị Nhâm

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Trình bày:

Trung tâm Thông tin

và Thống kê KH&CN

CHÍNH SÁCH - ĐỊNH HƯỚNG

- Lê Hoa** - Động lực mới từ Luật Du lịch 2017
- Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc đối phó với hàng rào kỹ thuật trong thương mại
- Lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015 đối với cơ quan hành chính nhà nước
- Phạm Văn Trung** - Công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu tại Lâm Đồng
- Đẩy mạnh thanh tra lĩnh vực xăng, dầu
- Xuân Trung** - Phòng, chống gian lận thương mại và thất thu thuế trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu
- Dương Thị Lệ Quyên** - Tăng cường kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- Nguyễn Tú Uyên** - Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thông qua Dự án nâng cao năng suất, chất lượng
- Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương hiệu qua sở hữu trí tuệ
- Nguyễn Thị Lệ Hương** - Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp năm 2018
- Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO
- Công nghệ mới - Sản phẩm mới

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- Trần Công Đăng** - Hoàn thuế theo phương thức điện tử
- Doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng đạt giải Bạc Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2017

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- Thiên Hương** - Quy luật nhập khẩu chuỗi của Trung Quốc
- Bộ tiêu chuẩn TCVN về nông nghiệp hữu cơ
- Nông nghiệp hữu cơ



ĐỘNG LỰC MỚI TỪ LUẬT DU LỊCH 2017

LÊ HOA

Luật Du lịch năm 2017 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 19/6/2017 gồm 9 chương, 78 điều quy định về tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch và hoạt động du lịch; quyền, nghĩa vụ của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến du lịch; quản lý nhà nước về du lịch, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018.

Tình hình triển khai Luật Du lịch năm 2017 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Các quy định của Luật Du lịch năm 2017 được xây dựng dựa trên cơ sở của Luật Du lịch năm 2005, đồng thời, bổ sung nhiều nội dung mới phù hợp với thực tiễn và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch - dịch vụ du lịch. Về cơ bản, bước đầu các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch - dịch vụ du lịch đã tiếp thu và tuân thủ các quy định mới. Nhằm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch - dịch vụ du lịch trên địa bàn hiểu và thực hiện đúng các quy định, ngành du lịch tỉnh Lâm Đồng đã lồng ghép hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Du lịch trên Cổng thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tổ chức các cuộc họp, văn bản chỉ đạo của ngành; các cuộc thanh, kiểm tra hoạt động kinh doanh du lịch của các đơn vị.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như:

- Luật Du lịch năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, nhưng đến nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch mới ban hành Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật, trong đó chỉ quy định chi tiết về lĩnh vực lữ hành, hướng dẫn du lịch. Điều này gây khó khăn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng trong quá trình hướng dẫn Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch - dịch vụ du lịch triển khai thực hiện các quy định của Luật.



- Bộ Tài chính chưa ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định và cấp phép kinh doanh lữ hành quốc tế, nội địa; phí thẩm định... trong lĩnh vực lưu trú, lữ hành, hướng dẫn du lịch...

- Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng đã phối hợp với các hãng hàng không mở các đường bay quốc tế trực tiếp từ Vũ Hán (Trung Quốc), Bangkok (Thái Lan), Incheon (Hàn Quốc), góp phần mở rộng thị trường khách quốc tế đến Lâm Đồng. Nhiều công ty lữ hành trên địa bàn tỉnh đã và đang xây dựng, tổ chức khai thác các chương trình du lịch trong và ngoài nước phục vụ nhu cầu của du khách quốc tế và người dân địa phương. Tuy nhiên, khi lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế (inbound, outbound), các công ty không thể thực hiện việc ký quỹ lữ hành tại ngân hàng do chưa có Thông tư quy định về mức ký quỹ cũng như hướng dẫn về quản lý tiền ký quỹ của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp lữ hành trên địa bàn tỉnh.

- Theo quy định của Luật Du lịch năm 2017, hướng dẫn viên sau khi được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch (quốc tế và nội địa), để có đủ điều kiện hành nghề, phải có hợp đồng lao động



Từ ngày 01/01/2018, các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch - dịch vụ du lịch phải thực hiện các yêu cầu sau:

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế trước ngày 01/01/2018 không phải làm thủ tục đổi giấy phép nhưng phải bảo đảm đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành.

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật có hiệu lực thi hành. Sau thời hạn trên, doanh nghiệp không được kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa nếu không có giấy phép.

- Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, nội địa đã được cấp thẻ trước ngày Luật có hiệu lực thi hành được tiếp tục hành nghề đến hết thời hạn hiệu lực của thẻ.

- Cơ sở lưu trú du lịch đã được công nhận hạng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày Luật có hiệu lực được tiếp tục sử dụng hạng đến hết thời hạn theo quyết định.

với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch. Tuy nhiên, Hiệp hội Du lịch tỉnh Lâm Đồng đang gặp lúng túng trong quá trình thành lập Chi hội Hướng dẫn viên du lịch do chưa có hướng dẫn cụ thể từ Hiệp hội Du lịch Việt Nam.



- Khi áp dụng các quy định về thẩm định và xếp hạng cơ sở lưu trú theo quy định của Luật, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa thể triển khai thực hiện thẩm định, xếp hạng đối với loại hình biệt thự du lịch từ 1-5 sao; kiểm tra các điều kiện hoạt động kinh doanh đối với loại hình nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê do chưa có bộ tiêu chí, điều kiện làm cơ sở đánh giá, xếp hạng, kiểm tra.

Giải pháp khắc phục những vướng mắc khi triển khai Luật Du lịch tại địa phương

Trong khi chờ các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Du lịch năm 2017; năm 2018, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện đúng các quy định của Luật Du lịch dưới nhiều hình thức, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch - dịch vụ du lịch thực hiện quy định của Luật; tiếp tục ủy quyền cho Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố thẩm định điều kiện hoạt động kinh doanh đối với loại hình nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.

Phối hợp với Hiệp hội Du lịch tỉnh Lâm Đồng thành lập Chi hội Hướng dẫn viên du lịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân gia nhập Hội và hành nghề; tổ chức đào tạo nghiệp vụ, kiểm tra và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm; tổ chức các khóa cập nhật kiến thức định kỳ (3 khóa/năm); thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực du lịch (cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực du lịch); phối hợp với các cơ sở đào tạo về du lịch trên địa bàn tỉnh tổ chức các khóa đào tạo, cấp chứng chỉ về nghiệp vụ điều hành du lịch, hướng dẫn du lịch (nội địa, quốc tế)... ■



KINH NGHIỆM CỦA HÀN QUỐC TRONG VIỆC ĐỐI PHÓ VỚI HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

Trong khuôn khổ Chương trình Chia sẻ kiến thức với Việt Nam của Viện Phát triển Hàn Quốc (KDI), đoàn công tác với sự tham gia của các thành viên đến từ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội Tiêu chuẩn và Người tiêu dùng Việt Nam đã tham dự hội thảo, làm việc với một số cơ quan, hiệp hội và tập đoàn của Hàn Quốc về vấn đề hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Technical Barriers to Trade - TBT).

Qua trao đổi, đoàn đã tiếp thu một số thông tin và kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc hợp tác giữa các cơ quan nhà nước, hiệp hội và doanh nghiệp đối phó với các TBT trên thế giới nhằm hỗ trợ hoạt động xuất, nhập khẩu và bảo vệ sản xuất, tiêu dùng trong nước.

Hàng rào kỹ thuật là một trong các rào cản lớn nhất trong thương mại hiện nay

Đó là tổng kết của Giáo sư Jang Yong Joon - Đại học Kyung Hee Hàn Quốc khi tập hợp các nghiên cứu trong hơn 30 năm qua của các nhà nghiên cứu hàng đầu trên thế giới về TBT. Theo đó, hàng rào kỹ thuật là các biện pháp kỹ thuật được các nước áp dụng đối với mọi loại hàng hóa khi qua biên giới, bao gồm cả hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu, chịu sự tác động của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như kiểm dịch động, thực vật (thường hiểu là các biện pháp kiểm dịch động, thực vật - Sanitary and Phytosanitary Measures - SPS). Điều này cũng phù hợp với phân loại năm 2012 của Liên hiệp Quốc tế về Thương mại và Phát triển - UNCTAD về các biện pháp phi thuế quan. Theo phân loại này, trong tổng số 175 biện pháp phi thuế quan được các nước trên thế giới áp dụng, có 24 biện pháp TBT và 34 biện pháp SPS, chiếm 33%, có nghĩa cứ 3 biện pháp phi thuế quan thì có 1 biện pháp TBT hoặc SPS.

Người ta nói đến sự trở lại của chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch sau khủng hoảng tài chính toàn cầu những năm 2008-2009. Và trong bối cảnh hàng rào thuế quan liên tục giảm theo các cam kết WTO và các FTA. Theo đó, hàng rào phi thuế, bao gồm cả TBT và SPS được sử dụng như một biện pháp để cân bằng sự sụt giảm này nhưng cũng có những yếu tố khác dẫn đến sự gia tăng

các biện pháp TBT và SPS như để phát triển thương mại bền vững, các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh nước, lương thực, an toàn thực phẩm được nhiều nước quan tâm trong thời gian gần đây.

Chiến lược của Hàn Quốc đối phó với TBT

Nhận thức tác động của hàng rào kỹ thuật đến kinh tế, thương mại là rất lớn, Hàn Quốc đã xây dựng những biện pháp thực chất để hạn chế những tác động tiêu cực.

Chiến lược này bao gồm các yếu tố cơ bản sau: một cơ chế đối phó thích hợp và có tổ chức; sự hợp tác quốc tế có hiệu quả và các biện pháp hỗ trợ hữu hiệu, đúng đối tượng.

Chiến lược này được từng bước thực hiện trong hơn 10 năm và đã đạt những kết quả quan trọng. Trong giai đoạn 2014-2016, tại diễn đàn WTO, Hàn Quốc đã đưa ra 151 quan ngại về TBT, trong đó 61 quan ngại được giải quyết trong khuôn khổ diễn đàn và 90 quan ngại được tiếp tục giải quyết trong khuôn khổ tham vấn song phương, đặc biệt thông qua các buổi làm việc trực tiếp với đối tác tại nước đưa ra biện pháp TBT. Phương thức làm việc trực tiếp mang lại hiệu quả cao với trên 84% các vụ việc đã được dàn xếp, chỉ còn trên 10% còn lại được tiếp tục tham vấn trong 2 năm 2014-2015.

Quy trình 4 bước đối phó với TBT

Một quy trình chặt chẽ và linh hoạt được đề ra để thực hiện chiến lược nêu trên gồm:

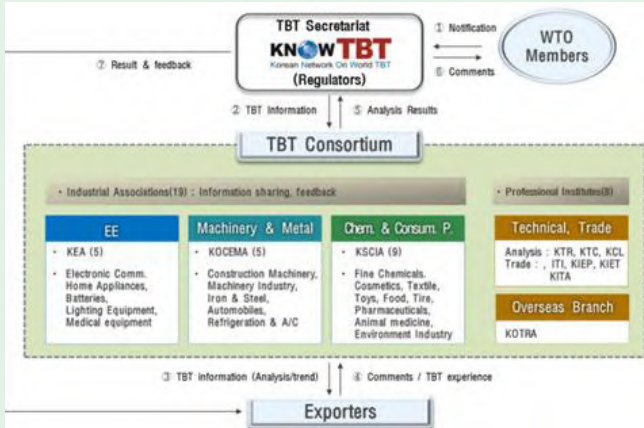
- Bước 1: thu thập thông tin;
- Bước 2: nghiên cứu và phân tích;
- Bước 3: hình thành chiến lược đối phó;
- Bước 4: thực hiện các biện pháp đối phó.

Các đối tượng tham gia vào quy trình đối phó với TBT rất đa dạng gồm các Bộ, ngành, hiệp hội chuyên ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường, phòng thử nghiệm, chuyên gia tư vấn độc lập, các cơ quan, tổ chức ngoại thương của Hàn Quốc ở nước ngoài. Một quy trình chặt chẽ và phân công trách nhiệm rõ ràng của các bên tham gia đã làm cho quy trình vận hành trơn tru, hiệu quả.



Hệ thống đối phó với TBT

Hệ thống này gồm 3 thành phần chính: Ban Thư ký TBT (các Bộ, ngành có liên quan), Mạng lưới về TBT của Thế giới tại Hàn Quốc (Korea Network of World TBT - KNOW TBT) và Liên minh TBT (TBT Consortium).



Hệ thống đối phó với hàng rào kỹ thuật trong thương mại tại Hàn Quốc

Trong hệ thống này, KNOW TBT là một cổng thông tin điện tử cung cấp các thông tin về TBT và các thông tin có liên quan khác của các nước thành viên WTO. Liên minh TBT thực hiện phân tích, đánh giá tác động của các biện pháp TBT của các nước làm tiền đề cho việc xây dựng các biện pháp đối phó.

Liên minh TBT gắn kết hai nhóm đối tượng chủ yếu, cụ thể là:

- Nhóm 1: chịu tác động bởi các biện pháp TBT, bao gồm 19 hiệp hội chuyên ngành, trong đó 5 hiệp hội thuộc lĩnh vực điện - điện tử; 5 hiệp hội thuộc lĩnh vực máy móc thiết bị và kim loại; 9 hiệp hội thuộc lĩnh vực hóa chất và hàng tiêu dùng.

- Nhóm 2: đánh giá các tác động gây ra bởi các biện pháp TBT, bao gồm 7 Viện (Viện Thử nghiệm và Nghiên cứu Hàn Quốc - KTR, Tập đoàn Viễn thông Hàn Quốc - KTC, Hội các Phòng thử nghiệm sự phù hợp Hàn Quốc - KCL, Viện Thương mại và Đầu tư - ITI, Viện Kinh tế Thương mại Hàn Quốc - KIEP, Viện Chính sách Kinh tế Quốc tế Hàn Quốc - KIET, Hiệp hội Thương mại Quốc tế Hàn Quốc - KITA) và Cơ quan Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Hàn Quốc - KOTRA.

Để hỗ trợ 2 nhóm trên, 274 chuyên gia trong 90 nhóm vấn đề và 10 lĩnh vực được tập hợp, có nhiệm vụ tư vấn cho các viện tương ứng. Các viện được cung cấp tài chính để thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ được giao và các chuyên gia được trả tiền cho các hoạt động tư vấn của mình.

Các nhóm biện pháp đối phó chủ yếu bao gồm:

- Góp ý, nêu quan ngại đối với các biện pháp TBT của nước ngoài trong khuôn khổ WTO và các FTA nhằm yêu cầu các nước điều chỉnh biện pháp TBT, hạn chế những tác động tiêu cực của các biện pháp này đối với thương mại của Hàn Quốc;

- Thiết lập các cơ chế hợp tác như thỏa thuận công nhận lẫn nhau MRA, biên bản ghi nhớ hợp tác MOU... và chuyển giao công nghệ, trang thiết bị cho các nước đang phát triển nhằm tăng cường việc thừa nhận, công nhận lẫn nhau, giảm các thử nghiệm, chứng nhận không cần thiết tại nước nhập khẩu, thông qua đó giảm chi phí và thời gian tiếp cận thị trường.

- Các hoạt động nghiên cứu triển khai, đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao khả năng đối phó với TBT, chủ yếu dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa dưới dạng dự án, kinh phí khoảng 0,2 tỷ won/năm (tương đương 200.000 USD) cho một vấn đề của dự án.

Các nhóm biện pháp đối phó của Hàn Quốc nhằm 2 mục đích:

- Tăng cường hợp tác với các nước đưa ra biện pháp TBT và SPS ảnh hưởng tới thương mại của Hàn Quốc để các nước này giải quyết những khó khăn về pháp luật, hạ tầng tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp giúp đáp ứng tốt hơn các nghĩa vụ TBT và SPS của WTO, tránh đưa ra các biện pháp trái với nguyên tắc của WTO làm hạn chế thương mại của nước khác, trong đó có Hàn Quốc.

Hàn Quốc đã áp dụng biện pháp này từ lâu với Việt Nam thông qua các dự án về thử nghiệm, đo lường và thành lập chi nhánh tại Việt Nam (giữa Quacert và KTR).

- Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua các dự án nhằm tăng cường năng lực đối phó với TBT của các doanh nghiệp này. Lưu ý, Chính phủ Hàn Quốc sau khi đánh giá tác động, chỉ cung cấp tài chính thực hiện dự án cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; các doanh nghiệp, tập đoàn lớn, công ty đa quốc gia không được hỗ trợ do Hàn Quốc cho rằng các doanh nghiệp này hoàn toàn đủ nguồn lực (nhân lực và tài chính) để đối phó với TBT của nước ngoài.

Một vài suy nghĩ về sự thành công của Hàn Quốc trong việc đối phó với TBT

Yếu tố đảm bảo cho sự thành công chính là nhận thức của Chính phủ Hàn Quốc và nguồn



tài chính từ ngân sách để duy trì hệ thống đối phó với TBT với chiến lược và quy trình làm việc, phối hợp hết sức rõ ràng, khoa học.

Liên hệ với Việt Nam, hệ thống và quy trình xử lý TBT của Hàn Quốc cũng được thể hiện trong Quy trình số 09/2006/QĐ-BKHHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 04/5/2006 trước khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO. Ngoài ra, Ban liên ngành và Mạng lưới TBT cũng được thành lập vào thời điểm này.

Tuy nhiên, Việt Nam không có một chiến lược đối phó có mục tiêu và sự bảo đảm tài chính của Chính phủ cho các hoạt động thường xuyên của hệ thống. Một điểm dễ nhận thấy trong Liên minh TBT là sự phối hợp nhịp nhàng giữa hai khối: khối chịu tác động (hiệp hội chuyên ngành, doanh nghiệp) và khối học giả (các trường đại học, viện nghiên cứu) trong đánh giá tác động của biện pháp TBT nước ngoài, trước khi báo cáo đánh giá tác động được chuyển cho các cơ quan có liên quan của các Bộ, ngành xử lý và áp dụng các biện pháp đối phó. Việt Nam đối phó với TBT chỉ dừng lại ở biện pháp góp ý, nêu quan

ngại đối với các biện pháp TBT của nước ngoài trong khuôn khổ WTO và các FTA nhằm yêu cầu các nước điều chỉnh biện pháp TBT, hạn chế những tác động tiêu cực của các biện pháp này đối với thương mại của nước ta.

Việt Nam dễ trong việc thành lập tổ chức nhưng nuôi sống và để nó phục vụ cho mục tiêu chiến lược thì thiếu quan tâm. Tại cuộc họp Ủy ban TBT năm 2006 của WTO, đại diện phái đoàn TBT của Hoa Kỳ đã biểu dương Việt Nam thành lập Ban liên ngành và Mạng lưới TBT, cho đây là một ví dụ điển hình của một quốc gia đang đàm phán gia nhập WTO nhưng đã có sự chuẩn bị chu đáo để thực thi các nghĩa vụ của Hiệp định TBT và bảo vệ lợi ích thương mại của mình khi trở thành thành viên của Tổ chức này. Tuy nhiên, trong suốt 10 năm là thành viên của Tổ chức này, Việt Nam chưa một lần nêu quan ngại về TBT nào tại diễn đàn này và chưa cử một đoàn làm việc nào để tham vấn với các nước đưa ra biện pháp TBT ảnh hưởng tới thương mại của nước mình. Điều này thật đáng để các bên liên quan suy nghĩ và hành động. ■

Theo Tbt.gov.vn

LỘ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI ÁP DỤNG TCVN ISO 9001:2015 ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Ngày 31/12/2015, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 4109/QĐ-BKHHCN công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thay thế TCVN ISO 9001:2008. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Việc áp dụng ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc hệ thống nhà nước được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-BKHHCN ngày 05/3/2014 về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Theo đó, tại điểm c, Khoản 4, Điều 4 của Quyết định số 19/2014/QĐ-BKHHCN quy định “*Trường hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 được soát xét, thay đổi và được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thì áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ*”.

Để đáp ứng yêu cầu, ngày 21/02/2018, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành công văn số 419/BKHHCN-TĐC về lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015. Theo đó, lộ trình chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước như sau:

- Đối với các cơ quan, tổ chức lần đầu xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng: nghiên cứu, áp dụng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Đối với các cơ quan, tổ chức đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, căn cứ vào tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, tránh lãng phí, hoàn thành việc chuyển đổi trước ngày 30/6/2021. ■



CÔNG TÁC KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU TẠI LÂM ĐỒNG

PHẠM VĂN TRUNG

Chi cục Hải quan Đà Lạt

Hàng hóa xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng chủ yếu là nông sản, rau, hoa, củ, quả, chè, cà phê, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thực phẩm (đồ uống, sữa), bao bì dùng đóng gói sản phẩm, khoáng sản... Đây là nhóm hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về kiểm dịch thực vật, chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm,...

Công tác kiểm tra chuyên ngành là hoạt động cần thiết nhằm đảm bảo hàng hóa xuất khẩu đáp ứng yêu cầu, quy định của các quốc gia nhập khẩu, bảo vệ uy tín về chất lượng, thương hiệu sản phẩm của Việt Nam trên thị trường quốc tế hoặc phục vụ mục đích quản lý nhà nước đối với từng loại hàng hóa, nhất là tài nguyên, khoáng sản... Đối với hàng hóa nhập khẩu, việc kiểm tra nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ngăn ngừa khả năng gây mất an toàn, phòng ngừa dịch bệnh gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường,...

Kết quả đo thời gian giải phóng hàng do Tổng cục Hải quan phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện năm 2015 cho thấy, trong tổng thời gian thực hiện thông quan hàng hóa, thủ tục hải quan chiếm 28%; còn lại là thời gian thực hiện các thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành. Trên thực tiễn, công tác quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu đang gây trở ngại, làm kéo dài thời gian thông quan, tăng chi phí cho doanh nghiệp. Đây chính là nguyên nhân, lực cản cơ bản đối với việc cải thiện Chỉ số giao dịch qua biên giới: thời gian xuất khẩu đã giảm từ 147 giờ xuống còn 108 giờ nhưng vẫn còn cao gấp đôi so với mức 56 giờ của các nước ASEAN 4; thời gian nhập khẩu giảm từ 139 giờ xuống còn 138 giờ, cao hơn nhiều so với mức 73 giờ của các nước ASEAN 4.

Tại Chi cục Hải quan Đà Lạt, năm 2015 phát sinh 8.595 hồ sơ xuất, nhập khẩu, trong đó 70% hồ sơ thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của các Bộ, ngành. Hàng hóa chỉ

được giải phóng, thông quan khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành nộp cho cơ quan hải quan, dẫn đến thời gian thông quan kéo dài, tăng chi phí cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, việc kiểm tra chuyên ngành vẫn còn bộc lộ những hạn chế, gây cản trở cho doanh nghiệp cũng như cơ quan hải quan trong hoạt động xuất, nhập khẩu. Việc xem xét khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động thương mại, nâng cao chỉ số Giao dịch thương mại qua biên giới... là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Nguyên nhân chính của thực trạng trên chủ yếu thể hiện qua các nội dung sau:

Một là, văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý và kiểm tra chuyên ngành còn nhiều; phạm vi quản lý, kiểm tra rộng; nhiều mặt hàng chưa cụ thể mã số phân loại hàng hóa HS; chưa có đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn để thực hiện việc kiểm tra; còn chồng chéo trong hoạt động quản lý, kiểm tra chuyên ngành.

Hai là, việc kiểm tra chuyên ngành chủ yếu thực hiện bằng phương thức thủ công; chưa áp dụng rộng rãi phương pháp quản lý rủi ro; chưa đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trao đổi dữ liệu thông tin, công nhận kết quả kiểm tra chuyên ngành.

Ba là, nguồn lực thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu tại cửa khẩu chưa đáp ứng yêu cầu.

Bốn là, một số doanh nghiệp xuất, nhập khẩu chưa xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc thực hiện các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu nên còn lúng túng, khó khăn, bị động trong quá trình thực hiện.

Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu

Xuất phát từ những vướng mắc trên, ngày 17/11/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành



Quyết định số 2026/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu. Mục tiêu của Đề án nhằm xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, biện pháp quản lý nhà nước, các quy trình, quy định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu nhằm rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa (năm 2016: dưới 10 ngày đối với hàng xuất khẩu và dưới 12 ngày đối với hàng nhập khẩu) và Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP đặt mục tiêu giảm tỷ lệ kiểm tra chuyên ngành tại giai đoạn thông quan từ 30-35% xuống còn 15% trong năm 2016 (Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP tiếp tục đặt ra mục tiêu này).

Theo đó, Tổng cục Hải quan đã thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý và kiểm tra chuyên ngành. Một số văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đã đưa ra nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý, kiểm tra chuyên ngành; văn bản không phù hợp đã được bãi bỏ; các mặt hàng kiểm tra chuyên ngành được thực hiện sau khi đã thông quan...

- Các Bộ, ngành đã phối hợp với Tổng cục Hải quan xây dựng và ban hành Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, kèm mã phân loại hàng hóa HS; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trao đổi thông tin. Đến nay, đã có 11 Bộ, ngành kết nối trao đổi thông tin về kết quả kiểm tra chuyên ngành trên Hệ thống một cửa quốc gia.

Tại địa bàn hải quan có lưu lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu lớn, một số Bộ, ngành đã thành lập địa điểm kiểm tra chuyên ngành tập trung, làm việc ngay tại cửa khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp; rút ngắn thời gian thông quan, góp phần cải cách hành chính, thúc đẩy việc trao đổi thông tin.

- Thường xuyên thực hiện tốt công tác truyền thông, đào tạo và nâng cao năng lực hoạt động kiểm tra chuyên ngành cho các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu để doanh nghiệp chủ động thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ đối với thủ tục kiểm tra chuyên ngành; gỡ gạc, trao đổi, lắng nghe những khó khăn, vướng mắc, bất cập nhằm từng bước tháo gỡ, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu.

- Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan đã xây dựng chương trình hành động thực hiện



Chi cục Hải quan Đà Lạt
kiểm tra hàng hóa xuất, nhập khẩu

Quyết định số 2026/QĐ-TTg, Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP và thành lập các tổ chuyên trách triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra, cụ thể như: trực tiếp làm việc với các Bộ, ngành trong việc rà soát, chuẩn hóa mã số phân loại hàng hóa HS thuộc diện kiểm tra chuyên ngành; chuẩn hóa các văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện cơ chế, chính sách...; triển khai đưa vào hoạt động 10 địa điểm làm thủ tục kiểm tra chuyên ngành tập trung; xây dựng Cổng thông tin về kiểm tra chuyên ngành trong Cổng thông tin một cửa quốc gia phục vụ việc trao đổi thông tin về kết quả kiểm tra chuyên ngành, giúp công tác thông quan hàng hóa kịp thời; trực tiếp triển khai công tác kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm của Cục Kiểm định Hải quan thuộc Tổng cục Hải quan để thí điểm kiểm tra một số mặt hàng.

Công tác quản lý và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu trên cả nước nói chung và tại Chi cục Hải quan Đà Lạt nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực. Cụ thể, năm 2017, số hồ sơ kiểm tra chuyên ngành giảm đáng kể, 100% hàng hóa xuất khẩu gồm nông sản, rau, hoa, chè, cà phê và 68% hồ sơ hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành được thông quan theo nội dung khai báo của doanh nghiệp mà không phải thực hiện kiểm tra chuyên ngành của cơ quan hải quan (năm 2015, 67% hồ sơ xuất khẩu và 70% hồ sơ nhập khẩu phải nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành trước khi thông quan). Mặc dù hàng nhập khẩu giảm đáng kể nhưng thủ tục kiểm tra chuyên ngành đã thuận tiện hơn. Doanh nghiệp có thể đăng ký thủ tục kiểm tra chuyên ngành và nhận kết quả thông qua các dịch vụ công trực tuyến của các Bộ, ngành (11 Bộ). Cơ quan hải quan căn cứ



kết quả trên Hệ thống một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa, doanh nghiệp không phải nộp kết quả trực tiếp cho cơ quan hải quan như trước đây. Kết quả đo giải phóng hàng tại Chi cục Hải quan Đà Lạt năm 2017 như sau: nhập khẩu là 13 giờ 14 phút; xuất khẩu là 7 phút 15 giây (tại các nước ASEAN 4, thời gian xuất khẩu đạt mức 56 giờ, nhập khẩu đạt mức 73 giờ).

Nhìn chung, hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành của các Bộ, ngành trong những năm gần đây có chiều hướng giảm so với trước, được quy định cụ thể bằng mã số HS, có tiêu chuẩn rõ ràng hơn. Tuy nhiên, việc kiểm tra còn thực hiện theo từng lô; hoặc cùng một mặt hàng của doanh nghiệp thường xuyên nhập khẩu từ một nhà cung cấp nhưng vẫn phải thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành trên mỗi lô hàng; thời gian thông quan kéo dài, phần lớn phụ thuộc vào thời gian chờ kết quả của cơ quan chuyên ngành. Năm 2017, tại Chi cục Hải quan Đà Lạt, thời gian chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành hàng nhập khẩu trung bình là 99 giờ trong khi thời gian kiểm tra chi tiết hồ sơ chỉ mất 30 phút.

Trong năm 2018 và các năm tiếp theo, hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành có xu hướng giảm; một số Bộ, ngành thay đổi hình thức kiểm tra chuyên ngành trong khâu lưu thông hoặc cắt giảm các dòng hàng, điển hình như:

- Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN ngày 16/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

27/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. Theo đó, áp dụng cơ chế hậu kiểm đối với 91% nhóm sản phẩm, hàng hóa do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý (cắt giảm từ 24 nhóm sản phẩm, hàng hóa chiếm 100% sản phẩm phải kiểm tra trước thông quan xuống còn 2 nhóm sản phẩm, hàng hóa là xăng, dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng phải kiểm tra, chiếm 9%).

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm vừa được Chính phủ ban hành ngày 02/02/2018 có nội dung cải cách thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu. Cụ thể, Nghị định đã áp dụng các phương thức kiểm tra giảm (kiểm tra hồ sơ tối đa 5% trên tổng số lô hàng nhập khẩu trong vòng 01 năm do cơ quan hải quan lựa chọn ngẫu nhiên), kiểm tra thông thường (chỉ kiểm tra hồ sơ của lô hàng nhập khẩu) và kiểm tra chặt (kiểm tra hồ sơ kết hợp lấy mẫu kiểm nghiệm).

- Quyết định số 3610a/QĐ-BCT ngày 20/9/2017 của Bộ Công Thương ban hành phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương giai đoạn 2017-2018. Trong đó, cắt giảm 675 điều kiện đầu tư, kinh doanh; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, giảm lượng mặt hàng phải kiểm tra trước và trong thông quan. ■

ĐẨY MẠNH THANH TRA LĨNH VỰC XĂNG, DẦU

Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) cho biết, chương trình thanh tra chuyên đề sẽ được triển khai từ tháng 6 đến hết năm 2018. Theo đó, Bộ KH&CN sẽ tập trung đẩy mạnh thanh tra lĩnh vực xăng, dầu.

Theo ông Chương Hồng Dương, Chánh Thanh tra Bộ KH&CN, với trách nhiệm là cơ quan quản lý nhà nước về đo lường, chất lượng đối với xăng, dầu trong sản xuất, nhập khẩu, sang chiết, buôn bán, Thanh tra Bộ đã đề xuất thực hiện chương trình thanh tra chuyên đề 3 nội dung: vấn đề chất lượng xăng, dầu xuất phát từ việc buôn lậu xăng, dầu ở một số tỉnh, đặc biệt là khu vực miền Trung; mã số, mã vạch liên quan đến chất lượng hàng hóa; một số dự án của chương trình nông thôn miền núi mà cơ quan công an đã vào cuộc, xử lý các sai phạm trong quá trình thực hiện.

Hiện tại, Thanh tra Bộ KH&CN đang xây dựng đề cương nội dung để các địa phương tự thanh tra. Bộ KH&CN sẽ tổng hợp báo cáo từ các địa phương, qua đó xem xét những bất cập trong thực tiễn để kiến nghị xử lý vi phạm, bổ sung cơ chế chính sách. Đối với những địa phương gặp khó khăn về chuyên môn nghiệp vụ, Bộ KH&CN sẽ phối hợp cùng tiến hành thanh tra.

Bên cạnh đó, năm 2018, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã có kế hoạch phối hợp với các địa phương giám sát, lấy mẫu của các công ty, tổ chức kinh doanh xăng, dầu để kiểm tra, phát hiện và xử lý sai phạm. ■



PHÒNG, CHỐNG GIAN LẬN THƯƠNG MẠI VÀ THẤT THU THUẾ TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG, DẦU

XUÂN TRUNG

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 168 doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu; trong đó có 2 doanh nghiệp đầu mối, 1 doanh nghiệp phân phối, 1 tổng đại lý và 265 cửa hàng bán lẻ. Hệ thống bán lẻ tới người tiêu dùng gồm có 1.148 cột đo xăng, dầu đã được cơ quan chức năng dán tem, kẹp chì niêm phong.

Đề án “*Tăng cường công tác phòng, chống gian lận thương mại, thất thu trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn tỉnh*” được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt tại Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 nhằm quản lý tốt hơn hoạt động buôn bán, kinh doanh mặt hàng đặc biệt, có nguồn thu thuế nộp vào ngân sách mỗi năm hơn 400 tỷ đồng.

Đề án đã được các cơ quan chức năng tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện cách đây hơn một năm, đem lại những kết quả đáng chú ý trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn tỉnh.

Cụ thể, thông qua Đề án đã quản lý được các cơ sở kinh doanh xăng, dầu, sản lượng xăng, dầu bán ra trên địa bàn tỉnh và kết quả thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước của các đơn vị, cơ sở kinh doanh. Từ công tác quản lý hoạt động kinh doanh xăng, dầu, kiểm soát sản lượng tiêu thụ đã góp phần vào việc chống thất thu thuế đối với mặt hàng xăng, dầu trên địa bàn toàn tỉnh. Thống kê của cơ quan quản lý cho thấy, năm 2017, tổng sản lượng xăng, dầu tiêu thụ qua các trụ bơm đã được niêm phong là 235.834.393 lít, đạt mức tăng trưởng 33% so với cùng kỳ. Với mức tiêu thụ nêu trên, tổng số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước là 439.821 triệu đồng bao gồm các khoản thu: thuế bảo vệ môi trường 352.188 triệu đồng, thuế giá trị gia tăng 66.557 triệu đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp 21.076 triệu đồng. So với năm 2016, tổng số thuế phải nộp đạt 311.767 triệu đồng, nguồn thu thuế từ hoạt động kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn tỉnh năm 2017 tăng 17%.

Và mức tăng trưởng này sẽ tiếp tục tăng cao trong năm 2018 và các năm sau do quy mô sản xuất, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu không ngừng mở rộng, tăng cao.

Đạt được những kết quả trên là nhờ sự chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, sự phối hợp giữa các ngành chức năng... Tuy nhiên, UBND tỉnh cũng đã chỉ ra các hạn chế trong công tác quản lý thời gian qua đối với mặt hàng đặc biệt này. Cụ thể, việc dán tem, kẹp chì niêm phong công tơ tổng tại các cửa hàng xăng, dầu chưa phải là biện pháp khả thi, bởi vẫn còn lỗ hổng khiến một số doanh nghiệp có thể thực hiện các thủ thuật tác động vào công tơ tổng để làm thay đổi số lượng bán ra không ngoài mục đích trốn thuế. Bên cạnh đó, thị trường xăng, dầu có nhiều nguồn cung nên có dấu hiệu buôn lậu tinh vi, hình thức đa dạng, khó phát hiện thông qua kiểm tra, kiểm soát.

Đáng chú ý, chưa khắc phục được tình trạng mua bán hóa đơn khi doanh nghiệp lợi dụng phần lớn người tiêu dùng mua xăng, dầu không lấy hóa đơn để cung cấp cho các đơn vị hành chính sự nghiệp thanh quyết toán ngân sách nhà nước hoặc cung cấp cho doanh nghiệp để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, đồng thời hạch toán chi phí nhằm giảm thu nhập chịu thuế dẫn tới giảm số thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ngân sách.

Mặt khác, các cơ quan chức năng không quản lý được một số xe bồn vận chuyển xăng, dầu ngoài tỉnh cung cấp hàng trực tiếp cho các công trình có nhu cầu xăng, dầu lớn.

Với những hạn chế nêu trên cùng với sự thay đổi các quy định mới về quản lý đối với hoạt động kinh doanh xăng, dầu, việc kịp thời ban hành Đề án “*Tăng cường công tác phòng, chống gian lận thương mại, thất thu thuế trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn tỉnh*” góp phần khắc phục những hạn chế và tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu.



Mục tiêu của Đề án nhằm quản lý chặt chẽ sản lượng bán ra của các cửa hàng xăng, dầu, làm căn cứ kê khai nộp thuế, góp phần chống thất thu thuế; kiểm tra, kiểm soát số lượng, chất lượng xăng, dầu để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Qua đó, chống tiêu cực trong việc mua, bán hóa đơn của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu và quản lý đầu vào đối với doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chất lượng xăng, dầu không phù hợp với quy định, tiêu chuẩn.

Đề án áp dụng đối với thương nhân đầu mối, nhà cung cấp, phân phối, tổng đại lý, đại lý; thương nhân nhận quyền bán lẻ và các cửa hàng bán lẻ cũng như người tiêu thụ xăng, dầu trên địa bàn tỉnh. Qua đó, Đề án đề ra các tiêu chuẩn, điều kiện, quy định, biện pháp cụ thể làm cơ sở để tăng cường công tác thanh, kiểm tra nhằm ngăn chặn kịp thời các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh có hành vi vi phạm về điều kiện kinh doanh, gian lận thương mại, đo lường, chất lượng, mua bán, vận chuyển trái phép xăng, dầu... như doanh nghiệp là tổng đại lý và thương nhân phân phối xăng, dầu phải có kho, bể chứa dung tích tối thiểu 2.000 m³. Để được cấp phép hoạt động kinh doanh xăng, dầu, doanh nghiệp cần có hệ thống 5 cửa hàng bán lẻ, 10 đại lý; cán bộ quản lý, nhân viên kinh doanh phải có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường, phòng thử nghiệm kiểm tra các chỉ tiêu, chất lượng xăng, dầu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Đồng thời, chống thất thu thuế và quản lý chặt chẽ việc sử dụng hóa đơn chứng từ bằng các biện pháp quản lý sản lượng, giá bán, doanh thu và thuế; tình hình sử dụng và mua bán hóa đơn bất hợp pháp trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu...; định kỳ từ ngày 1 đến ngày 3 hàng tháng, đối chiếu chỉ số thể hiện trên công tơ với hồ sơ kê khai để tính mức thuế theo quy định... Theo đó, UBND tỉnh cũng giao nhiệm vụ cho từng thành viên Ban chỉ đạo 389 và các đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc phòng, chống gian lận thương mại, chống thất thu thuế trong lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu đối với đơn vị quản lý chuyên ngành như Sở Công Thương chịu trách nhiệm chính về gian lận thương mại, Cục Thuế chịu trách nhiệm chính về chống thất thu thuế.

Để Đề án mang lại hiệu quả cao, ngoài công tác quản lý chuyên ngành của các cơ quan chức năng còn cần sự phối hợp chặt chẽ từ các cơ quan chuyên môn, địa phương và kể cả người tiêu dùng. ■

TĂNG CƯỜNG KIỂM TRA VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

DƯƠNG THỊ LỆ QUYÊN

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường
Chất lượng tỉnh Lâm Đồng*

Thực hiện quy định quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, từ đầu năm 2017 đến tháng 02/2018, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng đã chủ trì, phối hợp với Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Quản lý Thị trường, phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố tiến hành kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất đối với 150 cơ sở sản xuất, kinh doanh xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), mũ bảo hiểm, thiết bị điện, điện tử, đồ chơi trẻ em, hàng đóng gói sẵn, vàng trang sức, mỹ nghệ, sử dụng phương tiện đo trong y tế. Các đoàn thanh, kiểm tra đã tiến hành lấy 24 mẫu xăng, dầu, thiết bị điện, đồ chơi trẻ em gửi thử nghiệm chất lượng, kết quả có 9 mẫu không đạt yêu cầu. Qua kiểm tra, phát hiện 15 trường hợp vi phạm về đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa. Theo đó, UBND tỉnh đã xử phạt 2 trường hợp vi phạm về chất lượng xăng với số tiền là 244.195.567 đồng; Chi cục đã thông báo tạm dừng lưu thông, sử dụng phương tiện đo không phù hợp và yêu cầu khắc phục, sửa chữa; xử lý vi phạm hành chính 8 trường hợp với tổng số tiền là 156.093.976 đồng, thu về ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do vi phạm với số tiền là 65.304.766 đồng.

Bên cạnh đó, Chi cục đã tham gia phối hợp với các đoàn thanh, kiểm tra do Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Quản lý Thị trường, Công an tỉnh chủ trì, tiến hành thanh, kiểm tra 156 đơn vị kinh doanh kết sắt, xăng, dầu, LPG, vàng trang sức mỹ nghệ, rượu, thiết bị điện, điện tử, mũ bảo hiểm; phối hợp lấy 34 mẫu gửi thử nghiệm chất lượng, kết quả có 18 mẫu không đạt yêu cầu. Qua kiểm tra, phát hiện 38 trường hợp vi phạm về đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa, hồ sơ liên quan đến điều kiện kinh doanh và an toàn vệ sinh thực phẩm. UBND tỉnh đã xử phạt



12 trường hợp vi phạm về chất lượng xăng với số tiền 4.520.705.668 đồng; các cơ quan chức năng có thẩm quyền đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 23 trường hợp với tổng số tiền là 149.650.000 đồng.

Thông qua các đợt thanh, kiểm tra cho thấy, các doanh nghiệp đã có ý thức chấp hành ngày càng tốt hơn các quy định của pháp luật trong kinh doanh. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện đúng các quy định của nhà nước như: chưa lưu giữ hồ sơ chất lượng; ghi nhãn không đầy đủ và thiếu tem hợp quy CR theo quy định; lượng của hàng đóng gói sẵn chưa đủ theo công bố. Đặc biệt, tình trạng xăng kém chất lượng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tăng cao so với năm 2016. Đoàn kiểm tra đã nhắc nhở, yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng quy định và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Một số kế hoạch hoạt động năm 2018

Thực hiện chỉ đạo tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chỉ kiểm tra theo kế hoạch một lần đối với mỗi doanh

nh nghiệp trong một năm và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như tránh sự chồng chéo trong công tác thanh, kiểm tra giữa các ngành, ngày 19/01/2018, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 127/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được thanh, kiểm tra thường xuyên năm 2018. Trong đó, UBND tỉnh phân công Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp thanh, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với 172 doanh nghiệp.

Để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động thanh, kiểm tra năm 2018, trong đó dự kiến tiến hành thanh, kiểm tra 130 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ, xăng, dầu, thiết bị điện, điện tử, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, LPG, hàng đóng gói sẵn, sử dụng phương tiện đo,... Đồng thời, phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường hoạt động thanh, kiểm tra đột xuất các sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường nhằm ngăn chặn các hành vi gian lận và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, Chi cục sẽ thường xuyên khảo sát mẫu xăng, dầu, đồ chơi trẻ em, thiết bị điện, mũ bảo hiểm,... để nắm bắt tình hình về đo lường, chất lượng của các sản phẩm, hàng hóa đang lưu thông trên địa bàn và có biện pháp quản lý phù hợp; tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao nhận thức về các quy định của pháp luật.

Ngoài ra, người tiêu dùng cần xem xét kỹ thông tin trên nhãn hàng hóa và dấu hợp quy CR khi lựa chọn sản phẩm, hàng hóa để đảm bảo an toàn cho bản thân và gia đình. ■





TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THÔNG QUA DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN TÚ UYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng

Triển khai Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020”, năm 2017, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức thực hiện và đạt được những kết quả như sau:

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố thông báo Dự án đến 227 doanh nghiệp trong tỉnh; tiếp nhận và khảo sát 28 doanh nghiệp đăng ký tham gia. Ban điều hành Dự án đã xem xét và thông qua 22/25 đề cương đăng ký áp dụng hệ thống quản lý (ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, ISO 9001, GlobalGAP, GACP, 4C, Halal, tiêu chuẩn hữu cơ EU&USDA/NOP, thương mại công bằng) và công cụ cải tiến năng suất, chất lượng 5S.

- Hỗ trợ 8 doanh nghiệp áp dụng 8 hệ thống quản lý và 1 công cụ cải tiến, chứng nhận hợp chuẩn cho 2 sản phẩm, chứng nhận hợp quy cho 1 sản phẩm, xây dựng 3 tiêu chuẩn cơ sở với tổng số tiền 542.000.000 đồng. Với sự hỗ trợ của Dự án đã tạo động lực khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các hệ thống, công cụ nhằm cải tiến năng suất chất lượng tại đơn vị.

- Tổ chức 11 lớp tập huấn về năng suất chất lượng cho 540 lượt người tham dự. Tổ chức hội nghị “Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương và hướng dẫn truy xuất nguồn gốc sản phẩm”, hội thảo “Xây dựng tiêu chuẩn hữu cơ cho sản phẩm trồng trọt” cho 145 lượt người/76 đơn vị tham dự. Qua các lớp tập huấn, doanh nghiệp đã nắm vững các kỹ năng về nâng cao hiệu quả công việc, các công cụ cải tiến năng suất chất lượng (5S, Lean 6 sigma), các hệ thống quản lý tiên tiến (ISO 9001:2015, ISO 17025:2005...) để triển khai áp dụng vào thực tế tại đơn vị.

- Phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Lâm Đồng thực hiện buổi 1 tọa đàm, 2 phóng sự về Dự án. Bên cạnh đó, Chi cục thường xuyên thông tin về chương trình của Dự án trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm giúp doanh nghiệp nắm bắt thông tin, chương trình hỗ trợ và tiếp cận Dự án tốt hơn. Công tác thông tin, tuyên truyền còn giúp các Sở, ngành tăng

cường phối hợp, triển khai hỗ trợ doanh nghiệp theo định hướng và ngày càng hiệu quả.

Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến

Tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp năm 2018, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã xây dựng kế hoạch hỗ trợ cho 15 doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; xây dựng 20 tiêu chuẩn cơ sở; chứng nhận hợp chuẩn 2 sản phẩm; chứng nhận hợp quy 10 sản phẩm. Đồng thời, tập trung đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, đào tạo các công cụ cải tiến để triển khai, kinh phí áp dụng thấp, phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa của tỉnh như 5S, Kaizen, quản lý tinh gọn, 7 công cụ kiểm soát chất lượng...

Các lớp tập huấn dự kiến triển khai trong năm 2018:

STT	Nội dung tập huấn	Thời gian dự kiến
1	Đánh giá nội bộ hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn theo tiêu chuẩn HACCP	3/2018
2	Quản lý chất lượng toàn diện TQM	4/2018
3	Giới thiệu tiêu chuẩn Halal và việc triển khai áp dụng	5/2018
4	Sử dụng hiệu quả chu trình PDCA trong quản lý hoạt động nhóm	5/2018
5	Quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000	6/2018
6	Xây dựng và áp dụng thẻ điểm cân bằng BSC	7/2018
7	Chỉ số hoạt động chính KPIs	8/2018
8	Phương pháp nhận dạng và loại bỏ lãng phí trong doanh nghiệp	9/2018
9	Quản lý và cải tiến trong sản xuất - 10 công cụ cơ bản và nâng cao	10/2018
10	Bố trí mặt bằng phân xưởng sản xuất	11/2018

Các doanh nghiệp có nhu cầu tham gia, xin đăng ký tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng, số 18 Trần Phú, Đà Lạt. Điện thoại: 0263.3532247, Fax: 0263.3822580; Email: pqltcl@lamdong.gov.vn. ■



HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU QUA SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Hoạt động bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sẽ hướng đến hỗ trợ doanh nghiệp, trong đó, mũi nhọn là hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương hiệu và khai thác sáng chế.

Tính đến 30/11/2017, Cục Sở hữu trí tuệ đã xử lý 80.599 đơn các loại với 39.250 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, trong đó chấp nhận bảo hộ 30.106 đối tượng sở hữu công nghiệp; từ chối bảo hộ 9.033 đối tượng sở hữu công nghiệp và 41.349 đơn các loại khác. Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp văn bằng bảo hộ cho 28.314 đối tượng sở hữu công nghiệp (tăng 9,4% so với năm 2016).

Theo Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ Đinh Hữu Phí, xác định hoạt động bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp phải hướng đến hỗ trợ doanh nghiệp, trong đó, mũi nhọn là hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương hiệu và khai thác sáng chế.

Theo định hướng này, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ được thực hiện nghiêm túc. Với mỗi Nghị quyết của Chính phủ và Chương trình hành động tương ứng của Bộ, Cục Sở hữu trí tuệ đã xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể.

Đặc biệt, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục hoàn thiện, đưa vào khai thác công cụ đăng ký đơn sở hữu công nghiệp thông qua mạng thông tin điện tử theo tinh thần của Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử. Đến hết năm 2017, đã có 5.497 đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được tiếp nhận qua hệ thống nhận đơn trực tuyến (chiếm 9,3% lượng đơn sở hữu công nghiệp nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ).

Hoạt động tổ chức triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (Chương trình 68) tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch nhằm mục tiêu đổi mới, tập trung vào các nhiệm vụ hỗ trợ bảo hộ, áp dụng sáng chế; quản lý và khai thác tài sản trí tuệ của doanh nghiệp; hỗ trợ kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Năm 2018 Cục Sở hữu trí tuệ sẽ tập trung hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia; triển khai nhiệm vụ liên quan đến sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế để hỗ trợ cho công tác của Cục Sở hữu trí tuệ và hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam; hoàn tất thủ tục gia nhập Thỏa ước La-hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp; chuẩn bị các công tác nhằm thực hiện tốt vai trò Chủ tịch Đại hội đồng Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO nhiệm kỳ 2018-2019.

Đặc biệt, tăng cường triển khai các dịch vụ công về sở hữu trí tuệ để hỗ trợ chuyển hóa quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp, tổ chức thành tài sản quan trọng, đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế; tích cực triển khai Đề án hình thành Mạng lưới các Trung tâm Phát triển tài sản trí tuệ (IP-Hub); triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020. ■

Theo Tcvn.gov.vn





CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NĂM 2018

NGUYỄN THỊ LỆ HƯỜNG

Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng

Với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn hội nhập, Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm năm 2018, trong đó tập trung triển khai một số chương trình hỗ trợ doanh nghiệp như sau:

1. Chương trình khuyến công: hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động trên địa bàn tỉnh.

Nội dung

- Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động;

- Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn;

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp;

- Xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn;

- Hỗ trợ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ;

- Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm;

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư phòng trưng bày giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại;

- Tư vấn, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất - kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới,...

Tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quan tâm, xin liên hệ Trung tâm Khuyến công

tỉnh Lâm Đồng, Tầng 5, Khu D, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Đà Lạt; Điện thoại: 0263-3540355.

2. Chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp: nhằm hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn thông qua hỗ trợ xây dựng mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải trong hoạt động sản xuất.

Nội dung

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và năng lực về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp;

- Hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá tiềm năng áp dụng sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp;

- Hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức, cá nhân quan tâm, xin liên hệ Phòng Kỹ thuật - An toàn và Môi trường thuộc Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Tầng 5, Trung tâm Hành chính, 36 Trần Phú, Đà Lạt; Điện thoại: 0263-3829665.

3. Chương trình hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực và có lợi thế cạnh tranh tỉnh Lâm Đồng: hỗ trợ khoảng 3 đơn vị là các hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư máy móc, thiết bị chế biến rau để phát triển Trung tâm sau thu hoạch.

Nội dung

- Hỗ trợ đầu tư chuyển giao công nghệ và máy móc, thiết bị tiên tiến;

- Hỗ trợ xây dựng và bảo vệ nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm;

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực;

- Ưu tiên bố trí đủ nhu cầu về đất theo quy hoạch tại các khu, cụm công nghiệp khi có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực đầu tư mới, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu (kể cả dự án kết hợp với di chuyển địa điểm sản xuất) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;



- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, phát triển thị trường;

- Hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, sở hữu trí tuệ.

Tổ chức, cá nhân quan tâm, xin liên hệ Phòng Quản lý Công nghiệp thuộc Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Tầng 5, Trung tâm Hành chính, 36 Trần Phú, Đà Lạt; Điện thoại: 0263-3822067.

4. Chương trình tư vấn về an toàn vệ sinh thực phẩm trong công nghiệp: tư vấn, hướng dẫn thực hiện các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm; áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến đối với các đơn vị sản xuất, chế biến và kinh doanh thuộc ngành Công Thương.

Tổ chức, cá nhân quan tâm, xin liên hệ Phòng Quản lý Công nghiệp thuộc Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Tầng 5, Trung tâm Hành chính, 36 Trần Phú, Đà Lạt; Điện thoại: 0263-3822067.

5. Chương trình tiết kiệm năng lượng: hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng mô hình sử dụng bóng đèn hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng (áp dụng trồng hoa, rau, củ, quả trong nhà kính và các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp).

Nội dung

- Tăng cường quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả;

- Tăng cường phổ biến thông tin, vận động và nâng cao nhận thức cho cộng đồng, thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường;

- Phổ biến các trang thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, từng bước loại bỏ các trang thiết bị hiệu suất thấp;

- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp và các hộ gia đình;

- Chương trình chiếu sáng học đường;

- Quản lý nhu cầu sử dụng điện.

Tổ chức, cá nhân quan tâm, xin liên hệ Phòng Quản lý Điện năng thuộc Sở Công Thương, Tầng 5, Trung tâm Hành chính, 36 Trần Phú, Đà Lạt; Điện thoại: 0263-3832956.

6. Chương trình kết nối giao thương: nhằm hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá hàng hóa, sản phẩm thông qua các hội nghị kết nối giao thương giữa tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Tổ chức, cá nhân quan tâm, xin liên hệ Phòng Quản lý Thương mại thuộc Sở Công Thương tỉnh



Doanh nghiệp Lâm Đồng kết nối giao thương tại Hà Nội

Lâm Đồng, Tầng 5, Trung tâm Hành chính, 36 Trần Phú, Đà Lạt; Điện thoại: 0263-3822122.

7. Chương trình hỗ trợ xuất khẩu: hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua cung cấp thông tin theo ngành hàng và thị trường xuất khẩu; hỗ trợ xây dựng, thiết kế hồ sơ năng lực cho doanh nghiệp xuất khẩu; kết nối giao thương với các siêu thị nước ngoài và nhà nhập khẩu.

Doanh nghiệp quan tâm, xin liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư và Hợp tác quốc tế thuộc Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Tầng 5, Trung tâm Hành chính, 36 Trần Phú, Đà Lạt; Điện thoại: 0263-3531855.

8. Chương trình hỗ trợ phát triển thương mại điện tử: hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các sàn giao dịch B2B quốc tế.

Nội dung

- Hoàn thiện thể chế về thương mại điện tử;

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn, đào tạo nâng cao nghiệp vụ về thương mại điện tử:

- Cung cấp trực tuyến các dịch vụ công;

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử;

- Phát triển và ứng dụng các công nghệ mới trong thương mại điện tử;

- Hợp tác quốc tế;

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý về thương mại điện tử.

Doanh nghiệp quan tâm, xin liên hệ Phòng Quản lý Đầu tư và Hợp tác quốc tế thuộc Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Tầng 5, Trung tâm Hành chính, 36 Trần Phú, Đà Lạt; Điện thoại: 0263-3531855. ■



TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

ARGENTINA

Sản phẩm điều chỉnh: rượu.

Thông báo số G/TBT/N/ARG/331, ngày 02 tháng 3 năm 2018.

Mô tả nội dung: văn bản quy định các cơ sở sản xuất rượu vang có thể chọn hiển thị các cụm từ “không chứa gluten”, “không có lúa mì, yến mạch, lúa mạch và lúa mạch đen” hoặc biểu tượng bắt buộc để xác định loại rượu vang không chứa gluten.

Trường hợp cơ sở sản xuất rượu thực hiện lựa chọn này phải tuân thủ các biện pháp quy định trong văn bản thông báo.

Đồng thời, các văn bản này công nhận phương pháp chính thức được sử dụng để xác định gluten trong rượu vang bằng xét nghiệm ELISA (xét nghiệm miễn dịch chiết enzyme).

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Thời gian góp ý: không xác định.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 23/02/2018.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Viện trồng nho Quốc gia.

Địa chỉ Av. San Martin 430, thành phố Mendoza, Argentina.

Điện thoại: 54-261-5216600.

KENYA

Sản phẩm điều chỉnh: trái cây sấy khô.

Thông báo số G/TBT/N/KEN/651, ngày 28 tháng 02 năm 2018.

Mô tả nội dung: tiêu chuẩn quy định các yêu cầu, phương pháp thử nghiệm và lấy mẫu đối với trái cây sấy khô được cung cấp để tiêu thụ trực tiếp hoặc chế biến, đóng gói lại. Các nội dung được quy định tại Điều 2.9.2, 2.10.1, 5.6.2, 5.7.1... của tiêu chuẩn.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người; đưa ra các yêu cầu chất lượng.

Thời gian góp ý: 05/4/2018.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi có công bố chính thức bởi Tổng Thư ký nội các, Bộ Công nghiệp, Thương mại và Hợp tác xã.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Kenya.

Địa chỉ: 54.974-00.200, Nairobi, Kenya.

Điện thoại: + (254) 020 605490, 605506, 6948258.

Fax: + (254) 020 609660, 609665.

Email: info@kebs.org.

Website: http://www.kebs.org.

LIBERIA

Sản phẩm điều chỉnh: cà phê và ca cao.

Thông báo số G/TBT/N/LBR/1, ngày 14 tháng 02 năm 2017.

Mô tả nội dung: văn bản thông báo việc ban hành quy định về đánh giá sự phù hợp tại phần 8-23 và các quy chuẩn kỹ thuật tại phần 21 và 45 (mục a-i).

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: để bảo vệ người tiêu dùng thông qua việc ngăn ngừa đưa vào thị trường Liberia các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn an toàn và không phù hợp với mục đích xuất nhập khẩu.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 15/7/2018.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Thương mại và Công nghiệp.

Địa chỉ: 1046 Ashmun & Gurley Streets, Monrovia, Liberia.

Điện thoại: + 231-770.302.421/886.524.311.

Email: info.nep@staff.moci.gov.lr, lmdonzo@staff.moci.gov.lr, lasanadonzo@yahoo.com.

Website: www.moci.gov.lr



TANZANIA

Sản phẩm điều chỉnh: đồ uống có cồn hương vị trái cây.

Thông báo số: G/TBT/N/TZA/137, ngày 07 tháng 3 năm 2018.

Mô tả nội dung: Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đồ uống có cồn có hương vị trái cây.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: tuân thủ quy định công khai thông tin cho người tiêu dùng, ghi nhãn; bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người; đảm bảo yêu cầu chất lượng.

Thời hạn góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến thông qua và có hiệu lực: sau khi được Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ Thương mại và Đầu tư thông qua.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Tiêu chuẩn Tanzania.

Địa chỉ: Hòm thư 9524, đường Morogoro, Sam Nujoma, Ubungu.

Điện thoại: +255 222450206.

Email: info@tbs.go.tz.

Website: www.tbs.go.tz.

UGANDA

Sản phẩm điều chỉnh: hạt cà phê xanh.

Thông báo số: G/TBT/N/UGA/812, ngày 07 tháng 3 năm 2018.

Mô tả nội dung: dự thảo Tiêu chuẩn Uganda nêu rõ các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt cà phê xanh đã được chế biến ướt và khô sử dụng cho con người. Tiêu chuẩn này áp dụng cho cả cà phê Arabica, Robusta và Liberica.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: đảm bảo thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn; bảo vệ sức khỏe, an toàn của con người và yêu cầu chất lượng.

Thời hạn góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 05/11/2018 theo tuyên bố bắt buộc của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và Hợp tác xã.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Tiêu chuẩn Quốc gia Uganda.

Địa chỉ: Hòm thư số 6329, Lô 2-12 ByPass Link Bweyogerere, Khu Công nghiệp và Thương mại Kampala, Uganda.

Điện thoại: +256 (0) 417-333 250/1/2.

Email: info@unbs.go.ug.

KENYA

Sản phẩm điều chỉnh: trái cây và rau, củ, quả.

Thông báo số: G/TBT/N/KEN/648, ngày 28 tháng 02 năm 2018.

Mô tả nội dung: Bộ luật này áp dụng cho xuất nhập khẩu, chế biến, xử lý, lưu trữ, vận chuyển và phân phối đối với sản phẩm trái cây, rau, quả chế biến các loại.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người; đảm bảo các yêu cầu chất lượng.

Thời gian góp ý: 05/4/2018.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi có công bố chính thức bởi Tổng Thư ký nội các, Bộ Công nghiệp, Thương mại và Hợp tác xã.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Kenya.

Địa chỉ: 54.974-00.200, Nairobi, Kenya.

Điện thoại: + (254) 020 605.490, 605506/6948258.

Fax: + (254) 020 609660/609665.

Email: info@kebs.org.

Website: http://www.kebs.org.



CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

HỆ THỐNG THIẾT BỊ SẢN XUẤT NƯỚC NÓNG VÀ NƯỚC UỐNG MASTERSIM

Hệ thống thiết bị sản xuất nước nóng và nước uống MasterSim tích hợp các tính năng: sản xuất nước nóng, nước uống, làm mát không khí, tách ẩm (khử ẩm không khí). Ưu điểm của hệ thống là nhỏ gọn, dễ lắp đặt và sử dụng, có độ bền cao, phù hợp cho các hộ gia đình, khu nghỉ dưỡng, khách sạn, trường học...

Các thông số kỹ thuật của thiết bị gồm: công suất 750 W, sản lượng nước nóng 120 lít, nhiệt độ nước uống: 60-65°C; sản lượng nước 5-7 lít. Hệ thống thiết bị MasterSim sử dụng bộ lọc và đèn diệt khuẩn cực tím giúp đáp ứng các tiêu chuẩn về nước uống và công nghệ bơm nhiệt với lượng nhiệt sinh ra để sản xuất nước nóng gấp 3 lần so với dùng điện trở thông thường, giúp tiết kiệm điện năng.

Chi tiết xin liên hệ: ThS. Trần Xuân An - Trường Bộ môn Công nghệ nhiệt lạnh, Trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh. Số 20, Tầng Nhon Phú, Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 0909262985; Email: antran.edu@gmail.com.



GIỐNG NGŨ NẾP VN556

Các nhà khoa học thuộc Viện Nghiên cứu ngô đã nghiên cứu, lai tạo thành công giống ngô nếp VN556.

Giống ngô nếp VN556 sinh trưởng khỏe, chịu hạn, rét, kháng sâu, bệnh tốt. Thời gian sinh trưởng từ khi gieo hạt đến thu bắp ăn tươi là 65-86 ngày tùy thời vụ. Giống có khả năng kết hạt tốt, bắp to, đường kính trung bình 4,5-5 cm, dài 16-18 cm, hạt màu trắng sữa. Bắp tươi ăn mềm, dẻo, thơm, vị đậm. Năng suất thu hoạch đạt trung bình 9-10 tấn bắp tươi/ha. Đặc biệt, có thể gieo trồng được các mùa vụ ở các vùng trồng ngô miền Bắc và phù hợp để luân canh tăng vụ kết hợp tận dụng thân, lá để phát triển chăn nuôi gia súc.

Chi tiết xin liên hệ: Viện Nghiên cứu ngô. Số 229, Nguyễn Thái Học, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024.33886356; Fax: 024.33886309.



THIẾT BỊ SẤY LẠNH MSL 300

Thiết bị sấy lạnh MSL 300 gồm: bộ điều khiển trung tâm, hệ thống điều khiển gió khép kín, khung máy, khoang sấy gồm các khay sấy bằng sơn nhiệt tĩnh điện hoặc inox, bộ phận tạo nhiệt.

Thiết bị có trọng lượng 120 kg, kích thước: 10x95x150 cm; thể tích sấy: 300 lít; 20 kg/m³. Nhiệt độ hoạt động của thiết bị từ 10-60°C; độ ẩm thành phẩm từ 5-20%. Thiết bị sấy lạnh sử dụng bộ điều khiển tự động điều chỉnh nhiệt độ sấy, độ ẩm và thời gian sấy khô sản phẩm thông qua các nút bấm trên bảng điều khiển. Nhờ màn hình LCD hiển thị các thông số trong quá trình sấy, người sử dụng dễ dàng theo dõi và điều khiển thiết bị. Thiết bị sấy lạnh MSL 300 sử dụng để sấy hoa quả, các loại nông sản và rau xanh, một số loại thực phẩm (các loại thịt...), hải sản (tôm, cá...), với ưu điểm giữ nguyên hương vị của các sản phẩm.

Chi tiết xin liên hệ: Công ty Cổ phần công nghệ Machtech Việt Nam. Số 42, ngõ 230/21 Định Công Thượng, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 0984898720; Website: <http://maysaylanh.com>.



HOÀN THUẾ THEO PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ

TRẦN CÔNG ĐĂNG

Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng

Nhằm đơn giản thủ tục hành chính về thuế, Bộ Tài chính đã triển khai dịch vụ hoàn thuế theo phương thức điện tử cho người nộp thuế đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với trường hợp hoàn xuất khẩu và dự án đầu tư; tạo thuận lợi cho người nộp thuế chấp hành pháp luật thuế, kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính của Cơ quan Thuế và công khai, minh bạch việc giải quyết thủ tục hành chính về hoàn thuế tại Cơ quan Thuế các cấp.

Các quy định liên quan đến việc hoàn thuế bằng phương thức điện tử

- Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 83/2013/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

- Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế GTGT, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

- Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2007/NĐ-CP; Nghị định số

170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 26/2007/NĐ-CP và Nghị định 106/2011/NĐ-CP.

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

- Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế GTGT.

- Quyết định số 2790/QĐ-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về việc áp dụng thí điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hoàn thuế GTGT bằng phương thức điện tử và quy trình kèm theo.

- Quyết định số 710/QĐ-BTC ngày 24/4/2017 của Bộ Tài chính về việc triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT bằng phương thức điện tử.

Theo các quy định nêu trên:

- Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hoàn xuất khẩu và hoàn dự án đầu tư đáp ứng đúng, đủ điều kiện hoàn thuế GTGT theo quy định của Luật thuế GTGT và Luật Quản lý thuế, đăng ký và được Cơ quan Thuế chấp thuận thực hiện giao dịch điện tử theo quy định tại Thông tư số 110/2015/TT-BTC, được Cơ quan Thuế tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hoàn thuế GTGT theo phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Người nộp thuế đăng ký và được thực hiện giao dịch hoàn thuế điện tử kể từ thời điểm Cơ quan Thuế thông báo chấp nhận giao dịch hoàn thuế điện tử.

- Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo 5 bước:

+ Lập hồ sơ hoàn thuế điện tử;

+ Ký và gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử;

+ Nhận thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử của Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế;



+ Nhận thông báo về việc xác nhận nộp và thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế điện tử của Cơ quan Thuế;

+ Giải trình, bổ sung thông tin tài liệu theo thông báo của Cơ quan Thuế (nếu chưa đủ điều kiện được hoàn thuế, còn thiếu thông tin cần giải trình, bổ sung tài liệu).

- Người nộp thuế tiếp nhận các thông báo, Quyết định của Cơ quan Thuế trong quá trình giải quyết hồ sơ và thực hiện các yêu cầu để được tiếp tục giải quyết hồ sơ hoàn thuế.

- Người nộp thuế đã gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử đến Cơ quan Thuế nhưng sau đó có văn bản hủy đề nghị hoàn thuế đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử thì người nộp thuế thực hiện gửi văn bản hủy đề nghị hoàn thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Cơ quan Thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử của người nộp thuế qua Cổng thông

tin điện tử của Tổng cục Thuế; đồng thời gửi thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử ngay sau khi người nộp thuế gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động cập nhật hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử vào hệ thống Quản lý thuế tập trung (TMS) để xử lý. Hệ thống TMS tự động thực hiện kiểm tra các quy tắc nghiệp vụ cơ bản trên Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước của người nộp thuế.

Hệ thống TMS chuyển trạng thái xử lý hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tạo thông báo về việc xác nhận nộp và thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế điện tử gửi người nộp thuế nếu cập nhật thành công.

Để biết thêm thông tin về hướng dẫn lập, gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử và tài liệu hướng dẫn hoàn thuế điện tử, vui lòng truy cập Trang thông tin điện tử Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng theo địa chỉ: <http://lamdong.gdt.gov.vn>. ■

DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG ĐẠT GIẢI BẠC GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA NĂM 2017

Ngày 13/4/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 403/QĐ-TTg về việc tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) năm 2017 cho 73 doanh nghiệp, trong đó, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia năm 2017 được trao cho 15 doanh nghiệp; giải Bạc được trao cho 58 doanh nghiệp.

GTCLQG nằm trong hệ thống Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương (Global Performance Excellence Award - GPEA) của Tổ chức Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương (Asia Pacific Quality Organisation - APQO). GTCLQG được thiết lập, triển khai trên cơ sở chấp nhận mô hình và các tiêu chí Giải thưởng Chất lượng của các quốc gia tiên tiến. GTCLQG bắt đầu triển khai từ năm 1996, được trao hàng năm và giao cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì thực hiện. Đến nay, đã có 1.842 lượt doanh nghiệp đạt giải. GTCLQG tôn vinh những doanh nghiệp đạt thành tích xuất sắc trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động, hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Việc đạt GTCLQG không chỉ là sự ghi nhận, khen thưởng của lãnh đạo Chính phủ mà còn là cơ hội để doanh nghiệp tự hoàn thiện hoạt động sản xuất - kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.



Năm 2017, tỉnh Lâm Đồng có 1 doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp sản xuất nhỏ và vừa tham gia là Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật Khoa Đăng.

Với những thay đổi, nỗ lực trong hoạt động đổi mới, cải tiến năng suất, chất lượng sản phẩm trong nhiều năm gần đây, Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật Khoa Đăng đã đạt giải Bạc GTCLQG. Đây là kết quả ghi nhận sự cố gắng, kiên định áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng nhằm đưa năng suất, chất lượng sản phẩm của Công ty ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh khốc liệt của thị trường hiện nay. ■



QUY LUẬT NHẬP KHẨU CHUỐI CỦA TRUNG QUỐC

THIÊN HƯƠNG

Đầu tháng 3, giá chuối tại một số vùng trồng ở Đồng Nai tăng đột biến, do thương lái Trung Quốc ồ ạt thu mua với giá tại vườn ở mức 17.000-18.000 đồng/kg. Đây là mức cao nhất trong 2 năm trở lại, gấp 10 lần so với niên vụ 2017.

Việc giá chuối tăng đột biến khiến nhiều người lo ngại về tình trạng “sốt ảo”, nhất là khi ở một số vùng, người dân đang ồ ạt chuyển sang trồng chuối, nguy cơ dư thừa hoàn toàn có thể xảy ra.

Vụ Thị trường châu Á - châu Phi vừa chia sẻ một số thông tin liên quan đến diễn biến thị trường mặt hàng chuối tại Trung Quốc để các doanh nghiệp, hộ nông dân nắm và chủ động điều tiết hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Tình hình sản xuất, cung ứng chuối của Trung Quốc

Theo số liệu sản xuất và kỹ thuật ngành chuối Trung Quốc, diện tích trồng và sản lượng chuối thời gian qua giảm 25%; từ 430 ngàn ha và sản lượng 12 triệu tấn năm 2015 xuống còn hơn 320 ngàn ha, sản lượng 9 triệu tấn năm 2016.

Theo điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, vùng trồng chuối của Trung Quốc chủ yếu tập trung tại các địa phương phía Nam gồm Quảng Đông (khoảng 130 ngàn ha), Vân Nam (khoảng 80 ngàn ha), Quảng Tây (khoảng 66 ngàn ha), Hải Nam (khoảng 20 ngàn ha), Phúc Kiến (khoảng 13 ngàn ha).

Ngoài nguồn cung chuối nội địa, Trung Quốc nhập khẩu chuối từ một số nước láng giềng lân cận như Việt Nam, Lào, Myanmar với giá nhập khẩu trung bình dao động khoảng 4 CNY/kg tùy chủng loại và chất lượng.

Tình hình nhập khẩu và biến động giá chuối tại Trung Quốc thời gian gần đây

Theo thống kê của Hải quan Trung Quốc, lượng chuối nhập khẩu từ Việt Nam năm 2017 đạt gần 51 nghìn tấn, kim ngạch đạt 24,3 triệu USD. Tính đến hết tháng 01/2018, lượng chuối nhập khẩu từ Việt Nam là 5.132 tấn với kim ngạch đạt 2,8 triệu USD.

Giá bán lẻ mặt hàng chuối tại Trung Quốc từ đầu năm 2018 không ổn định, cụ thể từ tháng 01-02, giá dao động từ 3-3,5 CNY/kg; sau Tết Âm lịch đến nay, giá chuối giảm khoảng 40%, còn khoảng từ 1,5-2,5 CNY/kg. Riêng chuối nhập khẩu có giá bán lẻ cao hơn chuối nội địa.

Tại các tỉnh giáp biên giới Việt Nam như Quảng Tây, Vân Nam, giá chuối bán lẻ cũng có biến động tương tự. Thời điểm trước và sau Tết giá khá cao, khoảng trên 4 CNY/kg; đầu tháng 3, giá giảm mạnh khoảng 40-50%, chỉ còn hơn 2 CNY/kg. Ở thời điểm hiện tại, giá bán lẻ chuối tại Quảng Tây đã trở lại khoảng 4 CNY/kg.

Tính đến ngày 13/3/2018, giá chuối nhập khẩu từ Việt Nam, Lào và Myanmar tại khu vực Vân Nam tăng nhẹ, mức tăng từ 0,1-0,2 CNY/kg. Riêng khu vực Hà Khẩu, Kim Bình (giáp Lào Cai và Lai Châu), giá dao động từ 2,1-2,8 CNY/kg đối với chuối đạt chất lượng.

Nguồn cung và giá chuối tại Trung Quốc hàng năm

Nguồn cung và giá chuối tại thị trường Trung Quốc thường diễn biến theo quy luật như sau:

- Từ tháng 01-02: chuối thường được giá do ảnh hưởng nhu cầu tiêu thụ dịp Tết Âm lịch với giá bán lẻ dao động từ 3-5 CNY/kg; giá chuối chất lượng cao hoặc nhập khẩu có thể cao hơn.

- Tháng 3: giá chuối trên thị trường thường giảm do nguồn cung tăng từ các địa phương chuyên canh như Vân Nam, Hải Nam khi thời tiết ấm dần; bên cạnh đó nguồn cung từ Myanmar, Lào cũng vào vụ.

- Tháng 4-5: giá thường ổn định và có thể tăng nhẹ do thời điểm này nhu cầu tiêu thụ chuối khá ổn định. Từ trung tuần tháng 5 trở đi, chuối tại Vân Nam, Lào, Myanmar vào cuối vụ; nguồn cung chuối chất lượng cao ra thị trường giảm và chủ yếu là từ Hải Nam.

- Tháng 6-9: thời gian này Hải Nam vào cuối vụ, khu vực Quảng Đông, Phúc Kiến trở thành nguồn cung chính. Do thời điểm này vào mùa mưa bão nên giá chuối dao động theo diễn biến thời tiết; người nông dân cũng thường có xu hướng thu hoạch sớm trước mùa mưa bão.

- Tháng 9-11: nguồn cung chủ yếu từ Quảng Tây với chất lượng khá cao do không bị ảnh hưởng của bệnh vàng lá hay thời tiết nên giá thành tương đối cao và ổn định. Tuy nhiên, dù đã ban hành một số chính sách hỗ trợ đối với ngành trồng trọt nhưng diện tích trồng chuối năm 2018 của Quảng Tây dự kiến vẫn giảm khoảng 40%.

- Từ tháng 12 đến đầu năm tiếp theo là thời điểm nguồn cung và chủng loại hoa quả (trong đó có chuối) tại Trung Quốc đều thiếu do thời tiết giá lạnh nên giá cả thường tăng cao. ■



BỘ TIÊU CHUẨN TCVN VỀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Ngày 29/12/2017, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 3883/QĐ-BKH-CN công bố bộ tiêu chuẩn TCVN 11041:2017 về nông nghiệp hữu cơ. Đây là bộ tiêu chuẩn đầu tiên dành riêng cho sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và yêu cầu đối với tổ chức đánh giá, chứng nhận hệ thống sản xuất và chế biến sản phẩm hữu cơ.

Bộ TCVN 11041:2017 về nông nghiệp hữu cơ quy định cụ thể về các lĩnh vực:

- TCVN 11041-1:2017 - Phần 1: Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.
- TCVN 11041-2:2017 - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ.
- TCVN 11041-3:2017 - Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ.
- TCVN 11041-4:2017 - Phần 4: Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá, chứng nhận hệ thống sản xuất và chế biến sản phẩm hữu cơ.

Việc xây dựng các TCVN nêu trên được thực hiện trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế về nông nghiệp hữu cơ (CODEX, IFOAM); quy định và tiêu chuẩn khu vực (EU, ASEAN); tiêu chuẩn nước ngoài của Hoa Kỳ, Nhật Bản hay tiêu chuẩn của các nước trong khu vực như Thái Lan, Philippines, Trung Quốc..., đảm bảo hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và các nước tiên tiến.

Mặt khác, để phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh của Việt Nam, Tiểu Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia đã tổ chức khảo sát, khảo nghiệm tiêu chuẩn tại một số cơ sở sản xuất nông nghiệp hữu cơ, định hướng hữu cơ và có sự góp ý cho dự thảo TCVN của các tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn yêu cầu đối với tổ chức đánh giá, chứng nhận hệ thống sản xuất và chế biến sản phẩm hữu cơ được xây dựng với mục tiêu nhằm đưa ra các yêu cầu cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động chứng nhận sản phẩm hữu cơ tại Việt Nam phù hợp với các tiêu chuẩn TCVN về trồng trọt, chăn nuôi hữu cơ và các tiêu chuẩn quốc tế nhằm thúc đẩy, khuyến khích phát triển và áp dụng các mô hình sản xuất, chế biến thực phẩm hữu cơ phù hợp các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, giảm chi phí cho doanh nghiệp và thiết thực trong việc nâng cao năng suất, chất lượng cho các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam.

Cùng với hiệu lực của bộ TCVN về nông nghiệp hữu cơ, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng ra quyết định hủy bỏ tiêu chuẩn TCVN 11041: 2015 - Hướng



dẫn sản xuất, chế biến, ghi nhãn và tiếp thị thực phẩm được sản xuất theo phương pháp hữu cơ.

Theo báo cáo của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến nay cả nước có vài chục cơ sở trồng trọt hữu cơ ở 15 tỉnh, thành phố (Lào Cai, Quảng Trị, Hòa Bình, Bến Tre, Quảng Ninh, Cà Mau, Lâm Đồng, Hà Nội, Hà Nam, Quảng Bình, Quảng Nam, Thái Bình, Thái Nguyên, Hà Giang, Trà Vinh...) với tổng diện tích khoảng 4.000 ha với các cây chủ yếu là dứa, chè, lúa và rau. Trong số đó, Bến Tre có diện tích trồng trọt hữu cơ nhiều nhất với hơn 3.000 ha, chủ yếu là dứa. Các mô hình chăn nuôi khá hiệu quả như nuôi cá ba sa hữu cơ tại An Giang, tôm sinh thái tại rừng ngập mặn Cà Mau đã có chứng nhận hữu cơ khoảng 10.000 ha xuất khẩu sang EU.

Việc ban hành bộ TCVN về nông nghiệp hữu cơ hài hòa với thông lệ quốc tế là cần thiết cho mọi thành phần tham gia, có vai trò quan trọng cho nền sản xuất - kinh doanh nông nghiệp hữu cơ ổn định, bền vững.

Các tiêu chuẩn nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung, sản xuất hữu cơ nói riêng, góp phần tăng giá trị, chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trong nước và xuất khẩu, phù hợp với mục tiêu của Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020". ■



NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

Nông nghiệp hữu cơ là gì? Có nên chuyển đổi canh tác theo nông nghiệp hữu cơ?

Nông nghiệp hữu cơ là một mô hình nông nghiệp còn khá mới tại Việt Nam nhưng đã được áp dụng từ lâu ở những nước phát triển. Trong bối cảnh thực phẩm bẩn tràn lan, không kiểm soát như hiện nay thì những thực phẩm gắn nhãn “thực phẩm xanh, sạch, nguyên chất, không hóa chất”,... sẽ nhanh chóng thu hút người tiêu dùng. Do đó việc phát triển nông nghiệp hữu cơ chắc chắn sẽ là bước đi cần thiết và kịp thời cho ngành nông nghiệp nước ta hiện nay.

Nông nghiệp hữu cơ - Mô hình phát triển bền vững tất yếu

Nông nghiệp hữu cơ là việc sản xuất dựa trên tiêu chuẩn các nguyên tắc quy định bởi IFOAM (Liên đoàn các phong trào canh tác nông nghiệp hữu cơ quốc tế). Mục tiêu của nguyên tắc này là các hệ sinh thái cây trồng, vật nuôi được đảm bảo và tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn cho người sử dụng. Ngoài ra, canh tác theo nông nghiệp hữu cơ còn mang lại hiệu quả trong kinh tế, duy trì và gia tăng độ màu mỡ lâu dài cho đất. Đây là phương pháp trồng rau, củ, quả không sử dụng bất kỳ loại hóa chất độc hại trong bảo vệ thực vật để trừ sâu, bệnh, cỏ dại cũng như phân hóa học, sản xuất hướng đến sự cân bằng sinh thái trong tự nhiên.

Nguyên tắc cơ bản trong canh tác nông nghiệp hữu cơ

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ là loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng hóa chất tổng hợp, phân bón vô cơ, các chất điều tiết sinh trưởng của cây trồng, các chất kích thích và thuốc kháng sinh trong chăn nuôi gia súc. Nông dân canh tác theo nông nghiệp hữu cơ dựa trên việc quay vòng mùa vụ, tận dụng các phần còn lại sau thu hoạch, phân động vật, canh tác cơ giới nhằm duy trì độ phì nhiêu cho đất, đảm bảo cây trồng được cung cấp đủ chất dinh dưỡng, đồng thời có thể kiểm soát các loại cỏ dại, sâu, bệnh hại. Canh tác hữu cơ sẽ cải thiện và duy trì cảnh quan tự nhiên và hệ thống sinh thái nông nghiệp, tránh khai thác quá mức gây ô nhiễm môi trường, giảm thiểu việc sử dụng năng lượng và các nguồn không tái sinh. Mục đích mà nông nghiệp hữu cơ hướng tới là tối đa hóa an toàn sức khỏe và hiệu quả năng suất của cộng đồng, độc lập về đất đai, cây trồng, vật nuôi và con người.



Thực trạng chứng nhận nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam

Nông nghiệp hữu cơ sẽ là một lựa chọn hoàn hảo cho nền nông nghiệp hiện nay. Theo báo cáo năm 2016 của IFOAM cho thấy, năm 2014, nhu cầu tiêu dùng hữu cơ tăng gấp 5 lần so với năm 1999. Hơn thế nữa, Việt Nam là nước mạnh về nông nghiệp, điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp hữu cơ trên diện rộng. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, diện tích dùng làm nông nghiệp hữu cơ chỉ chiếm 0,2%. Diện tích đất dành cho lĩnh vực này vài năm nay có tăng nhưng không đáng kể. Việt Nam vẫn chưa có hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia và khung pháp lý cho sản xuất cũng như chứng nhận và giám sát cho sản phẩm hữu cơ. Theo thống kê của Liên đoàn các phong trào canh tác nông nghiệp hữu cơ quốc tế IFOAM, Việt Nam chỉ mới có bộ tiêu chuẩn PGS do Hội Nông nghiệp Hữu cơ Việt Nam ban hành. Tuy nhiên, bộ tiêu chuẩn này vẫn chưa được pháp luật công nhận. Các doanh nghiệp trong nước còn phụ thuộc nhiều vào các tiêu chuẩn chứng nhận nông nghiệp hữu cơ quốc tế như USDA (Bộ chứng nhận nông nghiệp hữu cơ Hoa Kỳ) và EU (Tiêu chuẩn bởi Liên minh châu Âu) và một số chứng nhận hữu cơ quốc tế khác như JAS,... Hiện nay, tại Việt Nam mới chỉ có một số doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận hữu cơ USDA, EU như sản phẩm Dừa Lương Quới ở Bến Tre; Rau sạch quốc tế FVF ở Hà Nội; Organik Đà Lạt; Gạo hoa sữa của Trang trại Xanh Viễn Phú, các mô hình nuôi tôm sinh thái tại Cà Mau... Tuy nhiên, chi phí để được chứng nhận hữu cơ còn đắt đỏ, đòi hỏi các nhà đầu tư tham gia lĩnh vực này thường phải có lượng vốn lớn và mạnh. Điều này là một trở ngại lớn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngoài ra, quy trình tiến hành kiểm định quá trình canh tác và cấp giấy chứng nhận sản xuất theo nông nghiệp hữu cơ từ nguồn nước, đất, giống,



cây trồng rất khắt khe. Vì vậy, việc phát triển nông nghiệp hữu cơ đang gặp nhiều khó khăn.

Lợi ích khi được chứng nhận nông nghiệp hữu cơ

- Sản phẩm có giá thành cao hơn.
- Tiếp cận các thị trường địa phương, khu vực và quốc tế đang phát triển nhanh hơn.
- Hỗ trợ các nền kinh tế địa phương.
- Tiếp cận các nguồn hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật.
- Đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của thị trường.

Giải pháp cho nền nông nghiệp hữu cơ

Để nông nghiệp hữu cơ nước ta phát triển bền vững, cần có các chính sách hỗ trợ cụ thể từ nhà nước và các Bộ, ngành có liên quan; kết nối các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tìm các nhà đầu tư và nhà phân phối lớn để ổn định đầu ra cho sản phẩm. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền về các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ không chỉ là thực phẩm sạch, an toàn mà còn là một mô hình nông nghiệp giúp bảo vệ, cải thiện môi trường sống và sức khỏe, xây dựng cộng đồng nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ ổn định, bền vững.

Tổng quan các tiêu chuẩn chứng nhận hữu cơ quốc tế phổ biến ở Việt Nam

1. Chứng nhận hữu cơ của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ - USDA

Đây là một trong những chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn hữu cơ nghiêm ngặt nhất. USDA có nhiều cấp bậc nhưng chỉ những sản phẩm chứa từ 95-100% nguyên liệu hữu cơ (organic) mới được gắn dấu (logo) của USDA trên tem nhãn sản phẩm.

Theo trang web của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, các tổ chức sau đang được ủy quyền của

USDA để chứng nhận hữu cơ cho sản phẩm hữu cơ của Việt Nam, bao gồm: BioAgriCert (Italy), Control Union Certifications (Hà Lan), Kiwa BCS Oko Garantie GmbH (Đức), OneCert, Inc. (Mỹ), Quality Certification Services (Mỹ). Đặc biệt, tổ chức Control Union Certifications đang có các văn phòng hoạt động tại Việt Nam:

- Tại thành phố Hồ Chí Minh: số 182-184 Bùi Tá Hán, An Phú, Quận 2; Điện thoại: 028 6281 3361.
- Tại Bà Rịa - Vũng Tàu: Phú Mỹ, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu; Điện thoại: 0254 392 3610.
- Tại Hải Phòng: số 37 Nguyễn Trãi, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng; Điện thoại: 0225 3652 902.
- Tại Cần Thơ: số 62 B1 Ung Văn Khiêm, Cái Khế, Ninh Kiều, Cần Thơ.

2. Tiêu chuẩn hữu cơ EU bởi Liên minh châu Âu

Các nhãn sản phẩm hữu cơ EU chỉ được gắn cho sản phẩm có trên 95% thành phần sử dụng trong thực phẩm hữu cơ được chế biến từ nguồn gốc hữu cơ.

3. Tiêu chuẩn JAS ban hành bởi Bộ Nông nghiệp Nhật Bản

Các tiêu chuẩn JAS cho cây trồng và thực phẩm chế biến hữu cơ nguồn gốc thực vật được thành lập năm 2000 trên cơ sở kết hợp với hướng dẫn sản xuất, chế biến, ghi nhãn và tiếp thị các loại thực phẩm hữu cơ, đã được thông qua bởi Ủy ban Codex Alimentarius.

4. Tiêu chuẩn hữu cơ Canada

Chứng nhận hữu cơ Canada dành cho các nhà sản xuất thực phẩm hữu cơ do Ban Thanh tra thực phẩm hữu cơ Canada liên kết quản lý. Bản nội quy các sản phẩm hữu cơ và logo đã được thông qua và áp dụng bởi Chính phủ Canada năm 2009. ■

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 32 trang).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ
Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: 0263. 3545479 - 3833163.

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

CÁC TỔ CHỨC

CHỨNG NHẬN HỮU CƠ TẠI VIỆT NAM

1

Tổ chức chứng nhận hữu cơ Control Union
controlunion.vn/vnvi/home



CONTROLUNION



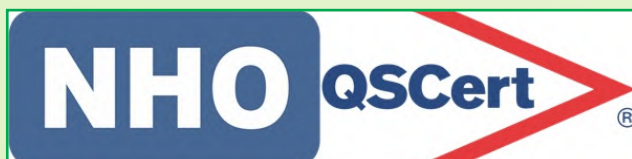
Control Union là tổ chức chứng nhận hữu cơ đang có mặt tại Việt Nam, cung cấp dịch vụ trọn gói toàn cầu cho các chương trình chứng nhận trong nông nghiệp, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, lâm sản, dệt may và năng lượng sinh học.

Các tiêu chuẩn hữu cơ mà Control Union chứng nhận:

- EU - Regulation EEC No. 834/2007 of organic production (Tiêu chuẩn và nội quy của Ủy ban Liên minh châu Âu).
- USDA - Tiêu chuẩn hữu cơ của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ.
- JAS - Japanese Organic Regulation (Tiêu chuẩn hữu cơ được chứng nhận và thuộc quyền quản lý của Bộ Nông Lâm Thủy sản Nhật Bản).
- Input of organic farming (Đầu vào của canh tác hữu cơ)
- KRAV (Tổ chức KRAV quản lý và phát triển các tiêu chuẩn hữu cơ ở Thụy Điển).
- Soil Association inspection (Tổ chức chứng nhận hữu cơ của Anh).
- AB - Agriculture Bioloque France (Ban điều hành hữu cơ tại Pháp).
- Naturland - German Association for Organic Agriculture (Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ của Đức).
- India NPOP - Tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ Ấn Độ.
- FGP - Forest Garden Products (Sản phẩm từ rừng).
- FIPAEFAPA - Tiêu chuẩn hữu cơ Hàn Quốc.
- Thức ăn hữu cơ cho vật nuôi.
- COSMOS - Tiêu chuẩn mỹ phẩm hữu cơ.

2

Tổ chức chứng nhận hữu cơ NHO QScert
nhovn.com/vi.mt24h



NHO QScert là tập đoàn chứng nhận toàn cầu có mặt trên hơn 30 quốc gia với trên 60 chi nhánh, văn phòng đại diện, Trung tâm kiểm nghiệm trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Tổ chức chứng nhận hữu cơ NHO QScert tại Việt Nam hoạt động chứng nhận các chứng chỉ hữu cơ như: HACCP, GMP, COR (Canada Organic), EU Organic, NOP (USDA Organic), JAS (Japanese Organic), IFOAM, PGS.

3

Tổ chức chứng nhận hữu cơ Onecert International www.onecert.com



Onecert International là một cơ quan kiểm tra và chứng nhận nông nghiệp hữu cơ toàn cầu, thực hiện các chứng nhận hữu cơ của USDA (Hoa Kỳ), EU EC834/2007 (châu Âu), JAS (Nhật Bản) và kiểm định các mẫu vật.

Hiện tại Onecert International chưa có văn phòng tại Việt Nam nhưng khi tổ chức, cá nhân có nhu cầu, Onecert International vẫn tổ chức chứng nhận.

4

Tổ chức chứng nhận hữu cơ EcoCert www.ecocert.com



EcoCert là tổ chức kiểm tra và chứng nhận được thành lập tại Pháp, là một trong những tổ chức chứng nhận hữu cơ tại Việt Nam (hiện tại chưa có văn phòng đại diện tại Việt Nam).

Các chứng nhận được cấp phép bởi EcoCert:

- Nông nghiệp hữu cơ.
- Mỹ phẩm tự nhiên và hữu cơ.
- Sản phẩm dệt may tự nhiên và hữu cơ.
- Global GAP.
- ISO 14001 và ISO 9001.

Quy trình chứng nhận của EcoCert: chuyên viên từ EcoCert đến kiểm tra tình trạng thực tế và viết báo cáo gửi về trụ sở chính của EcoCert; nhân viên chứng nhận EcoCert nghiên cứu và đánh giá báo cáo thực tế dựa vào những yêu cầu, tiêu chuẩn của từng chứng nhận. Giấy chứng nhận sẽ được cấp cho nhà sản xuất nếu tất cả các yêu cầu và tiêu chuẩn thỏa mãn. Cơ quan giám sát chứng nhận sẽ kiểm tra quy trình nhà sản xuất thực hiện, đưa ra ý kiến và cập nhật với nhà sản xuất những thay đổi về tiêu chuẩn.

5

Tổ chức chứng nhận hữu cơ BioAgriCert www.bioagricert.org



Tổ chức chứng nhận hữu cơ BioAgriCert được thành lập năm 1984 bao gồm nhóm chuyên gia và kỹ thuật viên làm việc như một cơ quan chứng nhận độc lập.

BioAgriCert cung cấp các dịch vụ chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn EU, USDA, JAS, AB France, IFOAM international standard, BIOSUISSE Switzerland, IBD Brazil,...

Đây là một trong các tổ chức chứng nhận hữu cơ tại Việt Nam đáng tin cậy. Hiện nay, BioAgriCert chưa có trụ sở tại Việt Nam. Tuy nhiên, nhà sản xuất ở Việt Nam vẫn có thể liên hệ với tổ chức này thông qua trang điện tử.

Danh sách các tiêu chuẩn chứng nhận hữu cơ có mặt tại Việt Nam và trên thế giới

STT	Tên chứng nhận
1	USDA (United States Department of Agriculture): Chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ
2	EU (European Union): Chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn châu Âu
3	JAS (Japanese Agricultural Standard): Chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Nhật Bản
4	ACO (Australian Certified Organic): Chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Úc
5	Soil (Association Soil Association): Chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Anh
6	NASAA (National Association for Sustainable Agriculture Australian): Tổ chức chứng nhận quốc tế cho nông nghiệp bền vững Úc
7	Canada - Chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Canada
8	PGS (Participatory Guarantee Systems): Tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam